

PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

Bài 3: Bảo hiểm

Bài 4: An sinh xã hội

Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh

Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

I. LÝ THUYẾT

BÀI 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

- *Khái niệm:* Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định.

- *Tăng trưởng kinh tế:* được đo bằng mức tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hay tổng thu nhập quốc dân (GNI) trong một thời gian nhất định (thường là một năm) cả về quy mô và tốc độ gia tăng.

- *Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế là:*

- + Tổng sản phẩm quốc nội (GDP).
- + Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người).
- + Tổng thu nhập quốc dân (GNI).
- + Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người).

b. Vai trò của tăng trưởng kinh tế

- Là điều kiện cần thiết để khắc phục tình trạng đói nghèo lạc hậu.
- Tạo điều kiện để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hóa,...
- Góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.
- Là tiền đề để củng cố an ninh, quốc phòng, nâng cao vai trò quản lí của Nhà nước, vị thế của quốc gia.

** Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam.*

2. Phát triển kinh tế

a. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế

- *Khái niệm:* Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội.

- *Các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế:*

- + Sự gia tăng GDP, GNI, GDP/người, GNI/người.
- + Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực.
- + Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội.

b. Vai trò của phát triển kinh tế

- Đảm bảo những tiền đề vật chất cần thiết cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao sức mạnh và sự thịnh vượng của quốc gia.

- Góp phần nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh, vững chắc cho nền kinh tế.

- Đảm bảo thực hiện tiến bộ xã hội như xây dựng thể chế kinh tế tiên bộ, nâng cao năng lực tổ chức quản lý của Nhà nước, thực hiện phân phối công bằng, hợp lý,...

→ *Phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với nước đang phát triển như Việt Nam.*

3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- *Khái niệm:* Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp hợp lý, hài hòa giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

- *Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững:*

+ Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để thực hiện phát triển bền vững, điều kiện vật chất để nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội.

+ Tăng trưởng kinh tế không hợp lý tạo ra những tác động tiêu cực, cản trở tiến trình phát triển bền vững của quốc gia.

+ Phát triển bền vững tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

→ *Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững có quan hệ mật thiết với nhau.*

BÀI 2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế

- Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

- Trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan với mọi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu

hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư.

- Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lý,... tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến, khắc phục nguy cơ tụt hậu.

2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế

a) Các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế

+ **Hội nhập song phương:** Là sự liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia góp phần thúc đẩy thương mại, liên kết đầu tư, đem lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp hai nước, được thực hiện thông qua các hiệp định thương mại tự do, đầu tư trực tiếp nước ngoài

+ **Hội nhập kinh tế khu vực:** Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lý, văn hoá, xã hội.. thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế

+ **Hội nhập kinh tế toàn cầu:** Là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức toàn cầu

b) Các hoạt động kinh tế quốc tế

- Hoạt động thương mại quốc tế: Là những hoạt động trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu, thương mại quốc tế kích thích tiêu dùng, mở rộng sản xuất, chuyển giao công nghệ và đầu tư giữa các quốc gia, nhờ đó, tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Hoạt động đầu tư quốc tế: Là quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, đầu tư quốc tế giúp tăng cường nguồn vốn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... cho nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam.

- Hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ: Dịch vụ thu ngoại tệ bao gồm các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, xuất nhập khẩu lao động, thanh toán và tín dụng,... có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

3. Đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

- Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong suốt quá trình đổi mới, phát triển đất nước. Quan điểm định hướng là chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, sâu rộng, sử dụng linh hoạt, hiệu quả nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế.

- Một số chính sách nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế: Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính; Cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài; Gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện các địa phương chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.....

BÀI 3: BẢO HIỂM

1. Khái niệm và một số loại hình bảo hiểm

a. Khái niệm và sự cần thiết của bảo hiểm.

Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra

Tham gia bảo hiểm nhằm giảm rủi ro trong cuộc sống, giảm bớt căng thẳng khi nằm viện, tuổi già, những tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ,... Ý nghĩa cốt lõi nhất của bảo hiểm là bảo vệ tài chính trước những rủi ro bất ngờ như tai nạn, bệnh hiểm nghèo, ung thư, tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn,... Điều này có nghĩa khi có biến cố bất chợt xảy đến, bảo hiểm sẽ cùng người tham gia bảo hiểm vượt qua khó khăn tài chính để nhanh chóng ổn định cuộc sống.

b. Các loại hình bảo hiểm

Một số loại hình bảo hiểm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thương mại

2. Vai trò của bảo hiểm

Bảo hiểm có vai trò to lớn cả về kinh tế và xã hội:

+ Về kinh tế: góp phần chuyển giao rủi ro, là một kênh huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Về xã hội: giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người; góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội; góp phần tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

BÀI 4. AN SINH XÃ HỘI

1. An sinh xã hội và một số chính sách an sinh xã hội cơ bản

a. Khái niệm và sự cần thiết của an sinh xã hội.

An sinh xã hội là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân về xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

An sinh xã hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, chẳng hạn như: Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho người dân, bao gồm an toàn, sức khỏe, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác; Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực, năng lực và năng suất lao động của các cá nhân và cộng đồng; Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của

b. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản

Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam bao gồm các chính sách cơ bản sau: chính sách hỗ trợ việc làm, chính sách về bảo hiểm, chính sách trợ giúp xã hội, chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Vai trò của an sinh xã hội

Vai trò của an sinh xã hội: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội: được hỗ trợ giải quyết việc làm; tăng thu nhập cho người yếu thế, được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin,...

Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: giúp nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống theo vùng, các nhóm dân cư đồng thời góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người cần.

BÀI 5. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

1. Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết của lập kế hoạch kinh doanh.

Kế hoạch kinh doanh là một bản trình bày ý tưởng kinh doanh và cách thức hiện thực hoá ý tưởng đó của người kinh doanh. Kế hoạch kinh doanh bao gồm: định hướng tương lai, mục tiêu và chiến lược phát triển kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định giúp chủ thể kinh doanh xác định được những nhiệm vụ cụ thể cùng những khó khăn, thách thức để chủ động tìm ra phương cách vượt qua, đảm bảo thực hiện thành công những mục tiêu đã đặt ra

Bản kế hoạch kinh doanh sẽ giúp cho chủ thể kinh doanh nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai. Xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện. Xác định được những thiếu sót trong kinh doanh và rủi ro có thể xảy ra. Từ đó, chủ thể kinh doanh sẽ chủ động thực hiện, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh

Xác định được định hướng, ý tưởng kinh doanh.

Xác định mục tiêu kinh doanh.

Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh: thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xác định chiến lược kinh doanh.

Xác định kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược.

Đánh giá rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lý để giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh.

3. Các bước lập kế hoạch kinh doanh

- Bước 1: Xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh.
- Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh.
- Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.
- Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh, chi tiết các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động kinh doanh.
- Bước 5: Đánh giá cơ hội kinh doanh, rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lý.

BÀI 6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái niệm, hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững quốc gia.

- Trách nhiệm xã hội được thực hiện qua một số hình thức cơ bản sau:

+ **Trách nhiệm kinh tế:** tiết kiệm chi phí, đạt doanh thu, lợi nhuận cao, đảm bảo việc làm cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm chất lượng, an toàn cho khách hàng,...

+ **Trách nhiệm pháp lí:** tuân thủ pháp luật kinh doanh; thực hiện nghiêm nghĩa vụ nộp thuế;...

+ **Trách nhiệm đạo đức:** thực hiện tốt đạo đức kinh doanh; làm điều đúng, chính đáng, công bằng; tránh gây hại cho con người, xã hội và môi trường,...

+ **Trách nhiệm nhân văn:** tham gia các hoạt động cộng đồng, thiện nguyện, nhân đạo, đóng góp các nguồn lực cho cộng đồng,...

2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

+ *Đối với doanh nghiệp:* Thực hiện trách nhiệm xã hội mang đến nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như: góp phần nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp, tạo dựng niềm tin đối với công chúng, tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, nhờ đó giúp gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

+ *Đối với xã hội:* Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp góp phần thúc

đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, hỗ trợ giải quyết những khó khăn, thách thức của cộng đồng và xã hội; góp phần bảo vệ môi trường

II. BÀI TẬP VẬN DỤNG THAM KHẢO

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN (Chọn 1 đáp án đúng nhất)

Câu 1: Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

- A. tổng thu nhập quốc nội (GDP). B. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.
C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người. D. tổng thu nhập quốc dân (GNI).

Câu 2: Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Mức sống bình dân. B. Tiến bộ xã hội.
C. Cơ cấu dòng tiền. D. Tăng trưởng dân số.

Câu 3: Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc nội. B. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.
C. Tổng sản phẩm quốc dân. D. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.

Câu 4: Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ góp phần

- A. tăng tỷ lệ đói nghèo đa chiều. B. gia tăng phân hóa giàu nghèo.
C. giải quyết tốt vấn đề việc làm. D. gia tăng lệ thuộc vào thế giới.

Câu 5: Phát biểu nào dưới đây là đúng về phát triển kinh tế?

- A. Mục tiêu cuối cùng của phát triển kinh tế là xây dựng được cơ cấu kinh tế hiện đại.
B. Phát triển kinh tế là quá trình tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội.
C. Phát triển kinh tế là quá trình biến đổi về lượng của nền kinh tế
D. Muốn phát triển kinh tế cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao.

Câu 6: Tăng trưởng kinh tế được biểu hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Tập trung đến sự tiến bộ về phân phối thu nhập.
B. Đảm bảo phát triển bền vững về môi trường.
C. Sự gia tăng quy mô sản lượng của nền kinh tế.
D. Chú trọng vào cải thiện chất lượng cuộc sống.

Câu 7: Phát biểu nào dưới đây là sai về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế?

- A. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hoá, giáo dục.

B. Một quốc gia muốn phát triển bền vững, chỉ cần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

C. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch trình độ phát triển giữa các vùng.

D. Phát triển kinh tế góp phần thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế.

Câu 8: Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

A. Thực hiện phân phối công bằng. **B.** Nâng cao mức sống người dân.

C. Gia tăng khoảng cách giàu nghèo. **D.** Thu hẹp khoảng cách các vùng.

Câu 9: Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, thông qua quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ góp phần tạo ra

A. nhiều cơ hội việc làm.

B. nhiều lãnh thổ mới.

C. những đảng phái mới.

D. những chủng tộc mới.

Câu 10: Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

A. Lệ thuộc tài chính vào nước lớn. **B.** Tận dụng được nguồn tài chính.

C. Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ. **D.** Được chuyển lên thành nước lớn.

Câu 11: Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

A. toàn cầu.

B. song phương.

C. khu vực.

D. châu lục.

Câu 12: Phát biểu nào dưới đây là sai về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

A. Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết với những quốc gia đang thiếu các nguồn lực về vốn.

B. Các nước đang phát triển cần tham gia hội nhập kinh tế quốc tế để tiếp cận và sử dụng được các nguồn lực bên ngoài.

C. Hội nhập kinh tế quốc tế có khả năng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia.

D. Đối với nước ta, hội nhập kinh tế là con đường ngắn nhất để rút ngắn khoảng cách lạc hậu.

Câu 13: Khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế song phương, mỗi quốc gia cần dựa vào nguyên tắc nào dưới đây?

A. Có cùng lịch sử hình thành.

B. Tôn trọng độc lập chủ quyền.

C. Tương đồng trình độ phát triển.

D. Có sự tương đồng về tôn giáo.

Câu 14: Trong các quan hệ kinh tế quốc tế, việc tham gia của mỗi quốc gia không được thực hiện ở cấp độ nào dưới đây?

A. Quy chế miễn thị thực.

B. Liên minh kinh tế.

C. Thị trường chung.

D. Liên minh thuế quan.

Câu 15: Ngày 14/1/1998, tại Thủ đô Kuala Lumpur, Malaysia, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC). Việc gia nhập ASEAN là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Toàn quốc. B. Toàn cầu. C. Song phương. D. Khu vực.

Câu 16: Hội nhập kinh tế là quá trình một quốc gia thực hiện việc gắn kết nền kinh tế của mình với

- A. người đứng đầu chính phủ. B. nguyên thủ của một nước.
C. một nhóm người. D. các quốc gia khác.

Câu 17: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò và tác dụng to lớn của hội nhập kinh tế quốc tế đối với mỗi quốc gia?

- A. Thu hút vốn đầu tư. B. Mở rộng thị trường.
C. Mở rộng biên giới. D. Tạo nhiều việc làm.

Câu 18: Phát biểu nào dưới đây là sai về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

A. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp các quốc gia tận dụng được các nguồn lực bên ngoài để phát triển

B. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần mở rộng thị trường để thúc đẩy sản xuất trong nước.

C. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững.

D. Hội nhập kinh tế quốc tế làm cho nền kinh tế quốc gia ngày càng phụ thuộc vào bên ngoài.

Câu 19: Phát biểu nào dưới đây là sai khi quan niệm về hội nhập kinh tế quốc tế?

A. Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, các quốc gia thường chú trọng đến liên kết với các quốc gia có trình độ phát triển tương đồng.

B. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, mối quan hệ giữa các quốc gia được xây dựng trên nguyên tắc cùng có lợi.

C. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết nền kinh tế của quốc gia này với nền kinh tế của quốc gia khác trên thế giới.

D. Khi tham gia một tổ chức kinh tế quốc tế, mỗi quốc gia thành viên không chỉ có nghĩa vụ tuân thủ mà phải chủ động đề xuất, tham gia xây dựng những điều khoản quy định của tổ chức.

Câu 20: Hội nhập kinh tế quốc tế bao gồm các hình thức nào dưới đây?

- A. Hội nhập về kinh tế và hội nhập về văn hoá.
B. Hội nhập toàn cầu, hội nhập khu vực và hội nhập song phương.
C. Toàn cầu hoá kinh tế và toàn cầu hoá chính trị.

D. Hội nhập về kinh tế và hội nhập về xã hội.

Câu 21: Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do

A. đoàn thể thực hiện.

B. Nhà nước thực hiện.

C. Công đoàn thực hiện

D. người dân thực hiện.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

A. trợ cấp đi lại.

B. trợ cấp thất nghiệp.

C. trợ cấp lưu trú.

D. trợ cấp thai sản.

Câu 23: Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng theo quy định phải tham gia là

A. bảo hiểm thân thể.

B. bảo hiểm xã hội tự nguyện.

C. bảo hiểm xã hội bắt buộc.

D. bảo hiểm tài sản.

Câu 24: Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức nhằm bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động dựa trên cơ sở mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội của người lao động trước đó là loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm xã hội.

B. Bảo hiểm dân sự.

C. Bảo hiểm con người.

D. Bảo hiểm thương mại.

Câu 25: Cơ sở để người tham gia bảo hiểm y tế được nhận quyền lợi bảo hiểm là căn cứ vào

A. thời gian tham gia bảo hiểm.

B. mức đóng quỹ bảo hiểm y tế.

C. tình trạng bệnh tật mắc phải.

D. độ tuổi tham gia bảo hiểm.

Câu 26: Chủ thể của loại hình bảo hiểm xã hội là do

A. các doanh nghiệp tư nhân.

B. tổ chức thương mại.

C. nhà đầu tư nước ngoài.

D. Nhà nước tổ chức.

Câu 27: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

A. Huy động vốn dài hạn.

B. Thúc đẩy tín dụng đen.

C. Ổn định tài chính cá nhân.

D. Giảm lao động thất nghiệp.

Câu 28: Theo quy định của pháp luật, cơ quan bảo hiểm xã hội **không** phải chi trả loại trợ cấp nào dưới đây đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc?

A. trợ cấp bệnh nghề nghiệp.

B. trợ cấp tử tuất.

C. trợ cấp lưu trú.

D. trợ cấp tai nạn lao động.

Câu 29: Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng gồm những loại hình nào dưới đây?

- A. Vận động và tự nguyện.
- B. Tự nguyện và cưỡng chế.
- C. Bắt buộc và vận động.
- D. Tự nguyện và bắt buộc.

Câu 30: Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội là bị ốm đau hoặc nghỉ thai sản, nếu đủ điều kiện họ sẽ được nhận

- A. tiền trợ cấp theo quy định.
- B. toàn bộ số tiền đã đóng.
- C. bảo hiểm thất nghiệp.
- D. chi phí khám chữa bệnh.

Câu 31: Thông qua việc thu phí bảo hiểm trước khi rủi ro được bảo hiểm xảy ra sẽ giúp huy động được yếu tố nào dưới đây để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Những cá nhân tài năng.
- B. Các loại hình tín dụng đen.
- C. Nguồn vốn nhân đôi.
- D. Nhiều lao động thất nghiệp.

Câu 32: Một trong những mục đích của người tham gia bảo hiểm là nhằm

- A. phải nộp phí bảo hiểm.
- B. được đóng phí bảo hiểm.
- C. được từ chối trách nhiệm.
- D. được bồi thường thiệt hại.

Câu 33: Về mặt kinh tế, một trong những vai trò của bảo hiểm góp phần giúp các cá nhân và tổ chức tham gia bảo hiểm

- A. ngày càng lệ thuộc vào nhau.
- B. ổn định được nguồn tài chính.
- C. thu được nhiều lợi nhuận.
- D. chiếm đoạt tài sản của nhau.

Câu 34: Đặc điểm chung của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đó là đều do

- A. Hộ gia đình đứng ra tổ chức.
- B. Nhà nước đứng ra tổ chức.
- C. doanh nghiệp tư nhân tổ chức.
- D. doanh nghiệp nước ngoài tổ chức.

Câu 35: Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế là khi không may bị ốm đau, hay xảy ra tai nạn họ sẽ nhận được

- A. trợ cấp thai sản, ốm đau.
- B. tiền mặt để chi tiêu hàng ngày.
- C. thanh toán khám, chữa bệnh.
- D. lương hưu hàng tháng.

Câu 36: Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Bác A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm y tế.
- B. Bảo hiểm thương mại.
- C. Bảo hiểm xã hội.
- D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 37: Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?

- A. Phòng ngừa biến cố.
- B. Ngăn ngừa rủi ro.
- C. Khắc phục rủi ro.
- D. Quản lý xã hội.

Câu 38: Để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp

A. tạo ra nhiều sản phẩm.

B. tạo ra nhiều việc làm mới.

C. bảo vệ người lao động.

D. tăng thu nhập cho người lao động.

Câu 39: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

A. việc làm tối thiểu. B. thu nhập tối đa. C. y tế tối thiểu. D. bảo hiểm tối thiểu.

Câu 40: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo bền vững?

A. Giảm tỷ lệ hộ giàu trong xã hội.

B. Cải thiện cuộc sống hộ nghèo.

C. Xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo.

D. Giảm tỷ lệ người thất nghiệp.

Câu 41: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

A. phạm tội.

B. rủi ro.

C. quyền lợi.

D. lợi nhuận.

Câu 42: Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

A. xóa đói giảm nghèo.

B. xóa bỏ nhà tạm.

C. phòng ngừa rủi ro.

D. phòng ngừa thất nghiệp.

Câu 43: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội đem lại lợi ích nào dưới đây?

A. Hưởng thu nhập vô điều kiện

B. Được hoàn trả lại lợi ích đã mất.

C. Khắc phục và giảm thiểu rủi ro.

D. Được hỗ trợ miễn phí trọn đời.

Câu 44: Việc các chủ thể kinh tế xác định các vấn đề như kinh doanh mặt hàng gì, đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu gì là thực hiện nội dung nào dưới đây của việc lập kế hoạch kinh doanh?

A. Xác định mục tiêu kinh doanh.

B. Xác định chiến lược kinh doanh.

C. Xác định ý tưởng kinh doanh.

D. Xác định điều kiện thực hiện.

Câu 45: Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

A. Xác định ý tưởng kinh doanh.

B. Xác định thời gian hoàn thành.

C. Xác định mức lợi nhuận đạt được.

D. Xác định chủ thể sẽ đỡ đầu.

Câu 46: Để quá trình kinh doanh diễn ra hiệu quả, kế hoạch kinh doanh của các chủ thể cần xác định được

A. số thuế phải đóng.

B. ý tưởng kinh doanh.

C. số tiền sẽ thu lợi.

D. thời gian thành công.

Câu 47: Khi các chủ thể đặt ra những kế hoạch và mục tiêu cụ thể sẽ đạt được khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định điều kiện thực hiện.
- B. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- C. Xác định chiến lược kinh doanh.
- D. Xác định mục tiêu kinh doanh.

Câu 48: Bước khởi đầu trong việc lập kế hoạch kinh doanh là các chủ thể phải xác định được

- A. ý tưởng kinh doanh.
- B. chiến lược kinh doanh.
- C. các rủi ro gặp phải.
- D. mục tiêu kinh doanh.

Câu 49: Khi phân tích yếu tố về khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến nội dung nào dưới đây?

- A. Hành vi tiêu dùng.
- B. Nguồn gốc xuất thân.
- C. Nhu cầu khách hàng.
- D. Độ tuổi khách hàng.

Câu 50: Khi xác định mục tiêu kinh doanh, các chủ thể **không** cần chú ý tới tiêu chí nào dưới đây?

- A. Tính có thể đo lường.
- B. Tính khả thi.
- C. Tính vô thời hạn.
- D. Tính cụ thể.

Câu 51: Một trong những điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh mà các chủ thể sản xuất cần phân tích để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp là

- A. yếu tố hội nhập.
- B. yếu tố khách hàng.
- C. yếu tố xuất thân.
- D. yếu tố quốc tế.

Câu 52: Một trong những đặc điểm của ý tưởng kinh doanh là ý tưởng đó phải có

- A. tính nhân đạo.
- B. tính sáng tạo.
- C. tính phi lợi nhuận.
- D. tính xã hội.

Câu 53: Khi xây dựng bản kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần đưa nội dung nào dưới đây vào kế hoạch của mình?

- A. Phương hướng kinh doanh.
- B. Cách thức thực hiện.
- C. Thời điểm hoàn thành.
- D. Điều kiện thực hiện.

Câu 54: Nội dung cơ bản của một bản kế hoạch kinh doanh gồm một chuỗi các biện pháp, cách thức của chủ thể kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tối ưu được gọi là

- A. kế hoạch sản xuất.
- B. kế hoạch tài chính.
- C. chiến lược đàm phán.
- D. chiến lược kinh doanh.

Câu 55: Khi phân tích yếu tố tài chính để thực hiện ý tưởng kinh doanh, chủ thể cần phải phân tích nội dung nào dưới đây?

- A. Số vốn mình muốn có.
- B. Số vốn đã thua lỗ.
- C. Số vốn đã đầu tư.
- D. Số vốn cần huy động.

Câu 56: Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố

A. Nhân sự và đối thủ.

B. Tài chính và nhân sự.

C. Tài chính và lợi nhuận.

D. Đối thủ và lợi nhuận.

Câu 57: Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được

A. lợi nhuận thực tế.

B. thời điểm thất bại.

C. thời gian thành công.

D. mục tiêu hướng tới.

Câu 58: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định ý tưởng kinh doanh khi lập kế hoạch kinh doanh?

A. Kinh doanh mặt hàng gì.

B. Đối tượng khách hàng là ai.

C. Tỷ suất lợi nhuận thu được.

D. Kinh doanh bằng cách nào.

Câu 59: Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà chủ thể cần phân tích là yếu tố

A. Nhà nước.

B. Quốc tế.

C. Thị trường.

D. Lợi nhuận.

Câu 60: Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong

A. nghệ thuật.

B. công tác.

C. học tập.

D. kinh doanh.

Câu 61: Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý khi chủ động

A. bài trừ quyền tự do tính ngưỡng.

B. làm trái thỏa ước lao động tập thể.

C. tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

D. tuyển dụng lao động trực tuyến

Câu 62: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp?

A. Sản xuất hàng giả để thu lợi ích.

B. Khuyến mại hàng kém chất lượng.

C. Sản xuất hàng hóa giá cả hợp lý.

D. Giới thiệu sai chất lượng sản phẩm.

Câu 63: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động kinh doanh?

A. Nâng cao đời sống vật chất nhân dân.

B. Thực hiện chính sách, giảm nghèo.

C. Nộp thuế đầy đủ theo quy định.

D. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Câu 64: Đối với doanh nghiệp, nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

A. Tăng lợi thế và khả năng cạnh tranh.

B. Góp phần bảo vệ môi trường sống.

C. Giúp ổn định cuộc sống cộng đồng.

D. Hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn

Câu 65: Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành kinh doanh, mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ tuân thủ pháp luật về môi trường là đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

A. Trách nhiệm kinh tế.

B. Trách nhiệm pháp lý.

C. Trách nhiệm kinh doanh.

D. Trách nhiệm từ thiện.

Câu 71: Quá trình Việt Nam ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, năm 2015), tham gia vào Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015 là hiện thực hóa những hình thức hội nhập kinh tế nào dưới đây?

- A. Hội nhập song phương và toàn cầu. B. Hội nhập khu vực và toàn cầu.
C. Hội nhập song phương và khu vực. D. Hội nhập toàn cầu và toàn diện.

Câu 72: Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của Việt Nam, chỉ số nào dưới đây **không** phải là căn cứ để xem xét và tổng hợp?

- A. HDI. B. GDP. C. FDI. D. GDP/người.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 73,74

Nhận thấy nhu cầu trang trí nội thất cao cấp có xu hướng tăng cao. Năm 2020 anh D đã thành lập công ty chuyên về cung cấp các sản phẩm như sàn gỗ và đồ gỗ trang trí, vách ngăn, ốp tường, ốp trần bằng gỗ chất lượng cao. Trong quá trình kinh doanh, anh luôn đặt chữ tín, trách nhiệm doanh nghiệp lên hàng đầu. Đồng thời, áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới để vận hành phát triển nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khẳng định vị thế, xứng đáng với sự tin yêu của người tiêu dùng. Đối với người lao động, công ty thực hiện đảm bảo thực hiện đúng chế độ về tiền lương, điều kiện lao động, bảo hiểm, chế độ chính sách theo đúng cam kết. Chính những điều đó đã làm cho các nhân viên trong công ty gắn bó lâu dài và luôn tận tâm, tận tụy trong công việc. Kinh doanh ngày càng thuận lợi, đến nay, anh D đã mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa các sản phẩm về gỗ tự nhiên và công nghiệp như tủ, kệ, giường, trường kỷ, bàn ghế, cầu thang... Sản phẩm gỗ của công ty được tiêu thụ tại 7 nước trên thế giới với tổng doanh thu khoảng 100 tỷ đồng mỗi năm.

Câu 73: Nội dung nào dưới đây thể hiện anh D đã phân tích các điều kiện để thực hiện ý tưởng kinh doanh?

- A. Nhu cầu nội thất cao cấp tăng cao. B. Đặt uy tín doanh nghiệp lên hàng đầu.
C. Đảm bảo chế độ cho người lao động. D. Nhân viên luôn tận tâm trong công việc.

Câu 74: Việc anh D luôn đảm bảo lợi ích chính đáng về tiền lương, điều kiện lao động, bảo hiểm, chế độ chính sách cho người lao động theo đúng cam kết là đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở những hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm kinh tế, pháp lý và đạo đức.
B. Trách nhiệm kinh tế, đạo đức và nhân văn.
C. Trách nhiệm pháp lý, đạo đức và nhân văn.
D. Trách nhiệm pháp lý, kinh tế và nhân văn.

B. DẠNG TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đã góp phần mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Hệ thống bảo hiểm xã hội được hoàn thiện với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, nhằm chia sẻ và trợ giúp thiết thực cho người tham gia bảo hiểm xã hội. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tăng đều hàng năm, tính đến 31-10-2019, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 14,915 triệu người, đạt 97,5% kế hoạch. Đến ngày 31-12-2018, tổng số người hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng do ngân sách nhà nước bảo đảm là 1,2 triệu người, giảm 1,3% so với năm 2017. Số đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề tăng, được giới thiệu việc làm đều tăng mạnh.

a) Tăng trưởng kinh tế đã làm cho số người tham gia bảo hiểm xã hội giảm là phù hợp với mục tiêu của chính sách an sinh xã hội.

b) Giai đoạn 2016 – 2020 kinh tế Việt Nam tăng trưởng không bền vững khiến số đối tượng trợ cấp thất nghiệp và hỗ trợ học nghề tăng.

c) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng vừa là chỉ tiêu để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế vừa là mục tiêu của chính sách an sinh xã hội.

d) Nâng cao tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng dân số là phù hợp với chính sách an sinh xã hội của nước ta trong các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Câu 2: **Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai:

Ông H, ở Thành phố K, sau khi dừng tham gia BHXH bắt buộc đã bỏ số tiền hơn 44 triệu đồng đóng BHXH tự nguyện những năm còn thiếu để được hưởng lương hưu tâm sự, chia sẻ: “Lúc trước làm việc, tôi cũng có tham gia BHXH, do điều kiện tôi xin nghỉ và đã hưởng một lần. Số tiền nhận khi đó cũng giúp tôi làm được một số việc nhưng cũng chẳng được bao lâu. Đến khi sau này đi làm lại và tham gia BHXH, lúc gần nghỉ việc do hết tuổi lao động, quá trình tham gia BHXH của mình chỉ được 18 năm 02 tháng chưa đủ điều kiện để hưởng chế độ hưu trí. Tôi đã suy nghĩ, rút kinh nghiệm lần trước nên đã quyết định đóng BHXH tự nguyện số năm còn thiếu để hưởng lương hưu”. Tiền lương hưu hàng tháng cũng đủ trang trải cho cuộc sống hàng ngày, mình còn được cấp thẻ BHYT quyền lợi cao hơn so với lúc đi làm để đi khám bệnh, mà lớn tuổi rồi sức

khỏe xuống có khi ở bệnh viện nhiều hơn ở nhà. Nên tính ra việc nhận lương hưu nó bảo đảm hơn cho bản thân mình khi về già”.

a) Ông H quyết định đóng một lần số năm còn thiếu để hưởng chế độ hưu trí là phù hợp.

b) Việc rút bảo hiểm xã hội một lần là việc cần cân nhắc kỹ lưỡng với mọi công dân vì quyền lợi lâu dài.

c) Ngoài chế độ hưu trí, ông H còn được hưởng trợ cấp ốm đau và chế độ bảo hiểm y tế.

d) Việc linh hoạt đóng chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện thể hiện chính sách ưu việt của nhà nước.

Câu 3: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai:

Đảng và Nhà nước xác định vấn đề bảo đảm nhà ở ổn định cho người dân là một nhiệm vụ xã hội quan trọng. Chính vì vậy, để bảo đảm điều kiện sinh sống tối thiểu cho người dân, Luật Nhà ở năm 2014 quy định các chính sách hỗ trợ về nhà ở cho một số đối tượng: hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng nặng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị; người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập. Nhà nước đã ban hành một số chính sách về đất đai, huy động vốn, vay vốn ưu đãi và loại hình phát triển nhà ở xã hội. Đồng thời, Nhà nước cũng đã ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và người dân đã tích cực tham gia xây dựng nhà ở xã hội, nhất là cho các đối tượng nghèo, khó khăn.

a) Vấn đề bảo đảm nhà ở ổn định cho người dân là nội dung cơ bản của chính sách trợ giúp xã hội.

b) Việt Nam cần có chính sách bảo hiểm về nhà ở để hỗ trợ người có thu nhập thấp vay vốn mua nhà ổn định cuộc sống.

c) Thực hiện chính sách về nhà ở cho người dân chính là thực hiện tốt chỉ số về tiến bộ xã hội đối với sự phát triển kinh tế.

d) Giải quyết vấn đề nhà ở xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội.

Câu 4: Sau khi tốt nghiệp đại học ngành công nghệ sinh học, với lợi thế là nhà gần các trường đại học, lại có diện tích đất lớn, chị D quyết định lập nghiệp bằng con đường kinh doanh sản phẩm cây cảnh mi ni với mong muốn sau hai năm sẽ thành lập một

doanh nghiệp phân phối các sản phẩm này. Xác định, đây là lĩnh vực kinh doanh không đòi hỏi vốn lớn, trong khi thị trường là các bạn sinh viên có nhu cầu khá cao về loại sản phẩm này, lại không đòi hỏi phải thuê nhiều lao động. Khi bắt tay vào thực hiện công việc kinh doanh, chị đã tìm các nguồn hàng ở nhiều nơi có truyền thống kinh doanh cây cảnh để nhập về khá, ngoài việc thuê một cửa hàng gần trường đại học để bán và giới thiệu sản phẩm, chị D còn ứng dụng các nền tảng mạng xã hội để đăng và quảng bá sản phẩm. Do thời gian đầu chưa có nhiều kinh nghiệm, nên sản phẩm chị cung cấp nhiều cây gặp sâu bệnh chết, đối tượng khách hàng chưa thực sự nhiều, vốn bỏ ra tuy được bảo toàn nhưng lợi nhuận không cao. Từ thực tế kinh doanh, chị quyết định mở rộng sản xuất và lên kế hoạch đầu tư thêm nhiều cửa hàng mới cũng như phát triển kênh truyền thông nhằm mở rộng thị trường.

- a) Chị D đã biết dựa vào lợi thế nội tại của mình để xác định ý tưởng kinh doanh.
- b) Việc đặt mục tiêu sau hai năm sẽ thành lập doanh nghiệp là không hợp lý.
- c) Chị D chưa biết phân tích các điều kiện về thị trường về tài chính khi thực hiện ý tưởng kinh doanh.
- d) Việc lập kế hoạch kinh doanh đã giúp chị D phát huy tốt được các lợi thế của mình.

-----HẾT-----